

Số: 123/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 07 tháng 6 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển mạng lưới vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 về việc lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31/10/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ Nghị quyết số 32/2014/NQ-HĐND ngày 10/12/2014 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt Quy hoạch giao thông vận tải đường bộ thành phố Hải Phòng đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về việc điều chỉnh Quy hoạch phát triển mạng lưới vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Xét đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Văn bản số 741/SGTVT-QLVT ngày 20/3/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển mạng lưới vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 với những nội dung chính như sau:

1. Quan điểm phát triển

- Quy hoạch phát triển mạng lưới vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Hải Phòng phù hợp với quy hoạch tổng thể phát

triển kinh tế-xã hội, quy hoạch chung thành phố, quy hoạch giao thông vận tải đường bộ thành phố và các quy hoạch khác có liên quan.

- Phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt nhằm phục vụ tốt nhu cầu đi lại của người dân, phát triển bền vững hệ thống vận tải đô thị nhằm góp phần phát triển kinh tế - xã hội, hướng đến mục tiêu phát triển thành phố trở thành đô thị loại đặc biệt và thành phố Cảng xanh, văn minh, hiện đại.

- Mạng lưới vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt phải đảm bảo kết nối thuận lợi trong nội đô và giữa các trung tâm quận, huyện trên địa bàn thành phố; tăng cường kết nối đến các khu vực tập trung dân cư, các khu công nghiệp, các cơ quan, trường học, bệnh viện và các khu du lịch.

- Phát triển phương tiện sử dụng nhiên liệu sạch; ứng dụng giao thông thông minh trong quản lý và điều hành hoạt động xe buýt; nâng cao chất lượng dịch vụ theo hướng tiện nghi, an toàn, nhanh với chi phí hợp lý.

- Dành quỹ đất hợp lý để phát triển mạng lưới vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt (điểm đầu cuối, bãi tập kết, điểm đỗ, đón khách...); tăng cường công tác đảm bảo trật tự, an toàn giao thông trong hoạt động xe buýt.

2. Mục tiêu phát triển

- Giai đoạn 2017-2020: duy trì 14 tuyến buýt hiện có, phát triển một số tuyến xe buýt kết nối đến các khu công nghiệp; khu đô thị mới; trung tâm các quận, huyện. Mục tiêu đến năm 2020 khối lượng vận chuyển đạt 31,6 ÷ 44,2 triệu lượt hành khách/năm, đáp ứng 5% ÷ 7% nhu cầu đi lại của người dân.

- Giai đoạn 2021-2025: tăng cường kết nối mạng lưới tuyến, tăng tần suất phục vụ trên một số tuyến chính, phát triển mở rộng mạng lưới tuyến. Mục tiêu đến năm 2025 khối lượng vận chuyển đạt 54,6 ÷ 70,3 triệu lượt hành khách/năm, đáp ứng 7% ÷ 10% nhu cầu đi lại của người dân.

- Giai đoạn 2026-2030: phát triển mở rộng mạng lưới tuyến phủ khắp địa bàn thành phố và sang các tỉnh lân cận; mục tiêu đến năm 2030 khối lượng vận chuyển đạt 78,1 ÷ 117,2 triệu lượt hành khách/năm, đáp ứng 10% ÷ 15% nhu cầu đi lại của người dân.

3. Quy hoạch phát triển mạng lưới vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

a) Giai đoạn 2017-2020:

Quy hoạch 22 tuyến xe buýt, trong đó có 01 tuyến xe buýt liên kết nối với tỉnh Quảng Ninh; 21 tuyến xe buýt nội tỉnh, trong đó có 01 tuyến xe buýt vòng tròn nội đô.

b) Giai đoạn 2021-2025:

Quy hoạch 31 tuyến xe buýt, trong đó có 03 tuyến xe buýt liên kết nối với tỉnh Quảng Ninh (01 tuyến), Hải Dương (02 tuyến); 28 tuyến xe buýt nội tỉnh,

trong đó có 02 tuyến xe buýt vòng tròn nội đô, 02 tuyến nội bộ khu công nghiệp VSIP.

c) Giai đoạn 2026-2030:

Quy hoạch 38 tuyến xe buýt, trong đó có 06 tuyến xe buýt liên kê nối với các tỉnh Quảng Ninh (02 tuyến), Hải Dương (03 tuyến), Thái Bình (01 tuyến); 32 tuyến xe buýt nội tỉnh, trong đó có 02 tuyến xe buýt vòng tròn nội đô, 02 tuyến nội bộ khu công nghiệp VSIP.

(Chi tiết Quy hoạch mạng lưới tuyến tại Phụ lục 01)

d) Định hướng phát triển các tuyến buýt nhanh (BRT):

Quy hoạch chuyển một số tuyến xe buýt đang khai thác thành các tuyến xe buýt nhanh nếu đủ điều kiện. Cụ thể giai đoạn 2017-2020 quy hoạch 01 tuyến, giai đoạn 2021-2025 quy hoạch 01 tuyến, giai đoạn 2026-2030 quy hoạch 02 tuyến.

(Chi tiết Quy hoạch mạng lưới tuyến BRT tại Phụ lục 02)

4. Quy hoạch hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

a) Bãi đỗ xe buýt:

Quy hoạch các bãi đỗ xe buýt tại: bãi đỗ xe An Lão, bãi đỗ xe khu công nghiệp Đình Vũ, các bến xe đang khai thác (bến xe Thượng Lý, bến xe Cầu Rào, bến xe Đồ Sơn, bến xe Phía Bắc, bến xe Vĩnh Bảo), tại các bến xe quy hoạch xây dựng mới (bến xe khách phía Tây 2, bến xe khách phía Bắc, bến xe khách phía Đông, bến xe Minh Đức) và tại các bãi đỗ xe của doanh nghiệp vận tải.

b) Điểm đầu cuối tuyến:

Quy hoạch giai đoạn đến năm 2020 có 26 điểm, đến năm 2025 có 29 điểm, đến năm 2030 có 35 điểm.

c) Điểm trung chuyển:

Quy hoạch 03 điểm trung chuyển, vị trí tại bến xe Cầu Rào, ngã 5 Kiến An, bãi đỗ xe An Lão.

(Chi tiết Quy hoạch bãi đỗ xe, điểm đầu cuối, điểm trung chuyển tại Phụ lục 03)

d) Điểm dừng đỗ:

Quy hoạch giai đoạn đến năm 2020 có 499 điểm dừng đỗ, 112 nhà chờ; đến năm 2025 có 700 điểm dừng đỗ, 152 nhà chờ; đến năm 2030 có 850 điểm dừng đỗ, 220 nhà chờ.

5. Nhu cầu phương tiện xe buýt

a) Giai đoạn 2017-2020:

Nhu cầu phương tiện đến năm 2020 là 258 xe; trong đó loại xe 40 chỗ là 73

xe, loại xe 50 chỗ là 101 xe, loại xe 55 chỗ là 84 xe.

b) Giai đoạn 2021-2025:

Nhu cầu phương tiện đến năm 2025 là 346 xe; trong đó loại xe 40 chỗ là 107 xe, loại xe 50 chỗ là 155 xe, loại xe 55 chỗ là 84 xe.

c) Giai đoạn 2026-2030:

Nhu cầu phương tiện đến năm 2030 là 443 xe; trong đó loại xe 40 chỗ là 135 xe, loại xe 50 chỗ là 224 xe, loại xe 55 chỗ là 84 xe.

6. Nhu cầu quỹ đất, vốn đầu tư, nguồn vốn đầu tư

a) Nhu cầu quỹ đất:

Nhu cầu quỹ đất dành cho việc phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt (bãi đỗ xe, điểm đầu cuối, điểm trung chuyển) trên địa bàn thành phố đến năm 2020 là 3,27 ha, đến năm 2025 là 5,16 ha, đến năm 2030 là 5,46 ha.

b) Nhu cầu vốn đầu tư:

- Nhu cầu vốn đầu tư giai đoạn 2017-2020 là 299,4 tỷ đồng; trong đó vốn đầu tư cho phương tiện là 294,9 tỷ đồng (vốn xã hội hóa), vốn đầu tư cho điểm dừng, nhà chờ là 4,5 tỷ đồng (vốn ngân sách).

- Nhu cầu vốn đầu tư giai đoạn 2021-2025 là 98,6 tỷ đồng; trong đó vốn đầu tư cho phương tiện là 94,3 tỷ đồng (vốn xã hội hóa), vốn đầu tư cho điểm dừng, nhà chờ là 4,3 tỷ đồng (vốn ngân sách).

- Nhu cầu vốn đầu tư giai đoạn 2026-2030 là 111,3 tỷ đồng; trong đó vốn đầu tư cho phương tiện là 105,1 tỷ đồng (vốn xã hội hóa), vốn đầu tư cho điểm dừng, nhà chờ là 6,2 tỷ đồng (vốn ngân sách).

c) Nguồn vốn đầu tư:

- Vốn đầu tư phương tiện: do các doanh nghiệp vận tải có nhu cầu kinh doanh dịch vụ xe buýt đầu tư mua sắm phương tiện; các tổ chức xã hội khác.

- Vốn đầu tư hạ tầng: điểm dừng, nhà chờ (trong đó bao gồm cả điểm đầu cuối) trên tuyến xe buýt huy động từ các nguồn lực sau:

+ Các doanh nghiệp ngoài quốc doanh tham gia kinh doanh dịch vụ điểm đầu cuối, điểm đỗ xe, điểm dừng đỗ có nhà chờ.

+ Vốn ngân sách Nhà nước cấp và vốn ngân sách của thành phố dành cho phát triển hạ tầng kỹ thuật giao thông vận tải.

+ Nguồn viện trợ, vốn vay ODA, vay ưu đãi của các tổ chức Chính phủ và phi Chính phủ,...

- Vốn đầu tư bãi đỗ xe: do các doanh nghiệp đầu tư; ngoài ra doanh nghiệp cân đối và trả chi phí thuê đỗ xe tại các bến xe.

7. Các giải pháp thực hiện (gồm 04 nhóm giải pháp chính):

a) Giải pháp quản lý nhà nước về hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

- Ưu tiên thành lập Trung tâm Quản lý giao thông công cộng, nhằm đẩy mạnh công tác quản lý điều hành hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

- Ưu tiên ứng dụng công nghệ mới trong quản lý, điều hành đối với hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt. Triển khai hệ thống giao thông thông minh (ITS), vé điện tử (E ticket) trong quản lý điều hành, khai thác vận tải hành khách công cộng.

- Xây dựng Quy chế quản lý hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố.

- Xây dựng chính sách miễn, giảm tiền thuê bãi đỗ xe, trạm bảo dưỡng sửa chữa cho các doanh nghiệp xe buýt.

- Quản lý, sử dụng quỹ đất xây dựng bãi đỗ xe, điểm trung chuyển, điểm đầu cuối,... theo đúng Quy hoạch.

- Triển khai Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Cơ chế hỗ trợ lãi suất vay và cơ chế trợ giá cho hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố.

b) Giải pháp khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào hoạt động xe buýt

- Đa dạng hóa việc huy động các nguồn lực trong và ngoài nước, từ nhiều thành phần kinh tế, dưới nhiều hình thức khác nhau như: vốn ngân sách thành phố; xã hội hóa đầu tư; nguồn hợp pháp khác (tài trợ, ...).

- Triển khai cơ chế hỗ trợ lãi suất vay vốn tại tổ chức tín dụng đối với các dự án đầu tư phương tiện vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

- Triển khai chính sách trợ giá đối với các doanh nghiệp tham gia hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

- Triển khai chính sách miễn, giảm tiền thuê bãi đỗ xe, trạm bảo dưỡng sửa chữa cho các doanh nghiệp xe buýt.

- Xây dựng phương án cho doanh nghiệp sử dụng nguồn thu từ quảng cáo trên xe buýt và trong nhà chờ để hỗ trợ cho hoạt động của xe buýt.

c) Giải pháp thu hút hành khách sử dụng dịch vụ xe buýt

- Triển khai cơ chế chính sách cho người sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

- Xây dựng mô hình tổ chức các điểm trông giữ phương tiện miễn phí cho hành khách tại các điểm đầu cuối, các điểm trung chuyển, trạm dừng xe buýt.

- Tuyên truyền đến người dân về lợi ích, tác dụng của việc đi xe buýt; thông tin đầy đủ về lộ trình, thời gian phục vụ và giãn cách chạy xe.

d) Giải pháp về đào tạo, phát triển nguồn nhân lực

- Tăng cường đào tạo đội ngũ nhân lực quản lý, khai thác hệ thống vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; đặc biệt là nguồn nhân lực có trình độ cao, có khả năng ứng dụng khoa học - công nghệ mới, hiện đại.

- Xây dựng mối quan hệ gắn kết giữa các cơ sở đào tạo trong lĩnh vực giao thông vận tải và các doanh nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả công tác đào tạo, đồng thời phát triển nguồn nhân lực và sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực đã được đào tạo.

- Phối hợp tổ chức các khóa đào tạo dài hạn, trung hạn, ngắn hạn trong lĩnh vực giao thông vận tải tại nước ngoài theo các phương thức hợp tác quốc tế và các hình thức đào tạo khác.

- Xây dựng cơ chế, chính sách cụ thể khuyến khích đào tạo nguồn nhân lực giao thông vận tải.

e) Giải pháp hợp tác quốc tế

- Tranh thủ các nguồn viện trợ của chính phủ các nước và các tổ chức quốc tế; khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư cho lĩnh vực vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

- Tăng cường hợp tác quốc tế về đào tạo, học tập kinh nghiệm, chuyển giao công nghệ, trợ giúp kỹ thuật, hỗ trợ tài chính trong lĩnh vực quản lý, kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

Điều 2. Tổ chức thực hiện quy hoạch

1. Sở Giao thông vận tải

- Tổ chức công bố công khai Quy hoạch theo quy định; xây dựng Kế hoạch thực hiện Quy hoạch.

- Phối hợp với các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện triển khai Quy hoạch và theo dõi chặt chẽ, kịp thời tổng hợp các ý kiến đề xuất điều chỉnh trong quá trình thực hiện quy hoạch, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

- Trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt:

+ Các chính sách ưu đãi của Nhà nước áp dụng đối với doanh nghiệp hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt trên địa bàn;

+ Phê duyệt giá vé hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt cho từng thời điểm nếu có xảy ra biến động về vật giá và các chính sách miễn, giảm giá vé cho hoạt động xe buýt.

+ Ban hành, bổ sung và sửa đổi quy định quản lý hoạt động xe buýt.

+ Công bố các lộ trình hoạt động ưu tiên trong lưu thông của xe buýt.

- Tăng cường công tác tuyên truyền người dân tham gia sử dụng xe buýt và công bố rộng rãi Quy hoạch xe buýt trên địa bàn thành phố.

- Nâng cao chất lượng công tác quản lý, điều hành hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

- Tổ chức đấu thầu và lựa chọn doanh nghiệp khai thác tuyến theo quy định; bổ sung, thay thế xe, điều chỉnh hành trình đối với các tuyến xe buýt.

- Định hướng kế hoạch hàng năm cho các doanh nghiệp vận tải khách bằng xe buýt.

- Quyết định danh mục, vị trí cụ thể của cơ sở hạ tầng mỗi tuyến xe buýt; quyết định chọn mẫu trạm dừng, nhà chờ; phê duyệt chủ trương đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ cho xe buýt hoạt động.

- Triển khai các lộ trình hoạt động ưu tiên trong lưu thông của xe buýt trên từng tuyến đường.

- Triển khai giá vé các tuyến xe buýt đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

- Hướng dẫn các doanh nghiệp xây dựng nội quy khai thác tuyến xe buýt.

- Thống nhất với Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành liên quan trong việc công bố mở, điều chỉnh, dừng hoạt động đối với tuyến xe buýt liền kề, khi được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân thành phố.

- Chỉ đạo Thanh tra Giao thông vận tải tăng cường công tác kiểm tra xử lý vi phạm Luật Giao thông đường bộ và các quy định có liên quan trong hoạt động xe buýt.

- Phê duyệt biểu đồ chạy xe buýt trên các tuyến.

- Lập tổ kiểm tra, giám sát hoạt động vận chuyển khách bằng xe buýt trên địa bàn thành phố; kiểm tra, yêu cầu các doanh nghiệp đầu tư phương tiện, đúng tiêu chuẩn, đạt yêu cầu về chất lượng và tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật bảo vệ môi trường trong hoạt động khai thác; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo quy định.

- Tổng hợp kết quả thực hiện kế hoạch hàng năm của các Sở, ngành, địa phương, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Công an thành phố

- Chỉ đạo Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt và Công an các quận, huyện tuần tra, kiểm soát, xử lý các trường hợp xe buýt vi phạm Luật Giao thông đường bộ và các quy định có liên quan trong hoạt động vận tải khách bằng xe buýt; chỉ đạo xử lý nghiêm các hành vi gây mất trật tự an toàn xã hội.

- Chỉ đạo Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt phối hợp với Thanh tra giao thông vận tải tổ chức tuần tra, kiểm soát, kiểm tra xử lý nghiêm các trường hợp xe buýt vi phạm như: Chạy quá tốc độ; không đóng cửa lên xuống khi xe đang chạy; dừng, đỗ xe, đón trả khách không đúng nơi quy định; để người lên xuống xe khi đang chạy xe; không chấp hành tín hiệu đèn; tránh vượt, xe chạy không đúng tuyến đường, lộ trình ...

- Kịp thời cung cấp thông tin cho Sở Giao thông vận tải đối với các trường hợp xử lý xe buýt vi phạm trật tự an toàn giao thông.

3. Sở Tài chính

- Phối hợp với Sở Giao thông vận tải xây dựng cơ chế hỗ trợ lãi suất vay; cơ chế trợ giá cho người sử dụng xe buýt, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Tăng cường công tác quản lý Nhà nước về tài chính đối với các doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt.

- Phối hợp với Sở Giao thông vận tải trình Ủy ban nhân dân thành phố công bố giá vé vận chuyển hành khách bằng xe buýt trên địa bàn thành phố, áp dụng cho từng thời điểm nếu có xảy ra biến động về vật giá và các chính sách miễn, giảm giá vé cho hoạt động xe buýt.

4. Sở Thông tin và Truyền thông

Chỉ đạo tổ chức tuyên truyền sâu rộng đến người dân về lợi ích của sử dụng xe buýt để khuyến khích người dân sử dụng xe buýt.

5. Sở Xây dựng

Phối hợp với Sở Giao thông vận tải xây dựng hệ thống bãi đỗ, điểm đầu cuối, điểm dừng đỗ, nhà chờ phục vụ hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Phối hợp với Sở Giao thông vận tải xây dựng cơ chế ưu tiên cho thuê đất, miễn giảm tiền thuê đất cho doanh nghiệp vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt đầu tư hạ tầng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Phối hợp với Sở Giao thông vận tải bố trí quỹ đất cho dành cho hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; rà soát, quy hoạch quỹ đất công để làm điểm đầu, cuối tuyến buýt.

7. Ủy ban nhân dân các quận, huyện

Phối hợp với Sở Giao thông vận tải, các Sở, Ban, Ngành liên quan trong việc thực hiện Quy hoạch: Bố trí điểm đầu cuối tuyến buýt, giám sát hoạt động vận tải hành khách công cộng trên địa bàn quận, huyện.

8. Các Sở, ngành liên quan

Căn cứ chức năng nhiệm vụ, chủ động phối hợp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ có liên quan theo nội dung của Quy hoạch này.

9. Các đơn vị cung ứng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

Căn cứ vào Quy hoạch công bố, nghiên cứu và đề xuất đầu tư phương tiện, hạ tầng theo quy định. Tổ chức quản lý, vận hành hoạt động theo hướng dẫn và giám sát của cơ quan quản lý nhà nước; thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. /.

Nơi nhận:

- TT TU, TT HĐND TP;
- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND TP;
- Các PCVP;
- Các Phòng CV;
- Lưu VP.

Ch

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Tùng

Phụ lục 01: Quy hoạch phát triển mạng lưới tuyến xe buýt trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Quyết định số 1239/QĐ-UBND ngày 01/ 6 /năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Số hiệu tuyến	Tên tuyến	Lộ trình tuyến	Chiều dài (km)	Giai đoạn vận hành			Ghi chú
				2017-2020	2021-2025	2026-2030	
I	Tuyến vòng tròn nội đô						
08	Bến xe khách Cầu Rào-Bến xe khách Cầu Rào	Bến xe khách Cầu Rào-Ngô Gia Tự-Lê Hồng Phong-Đà Nẵng-Điện Biên Phủ-Trần Phú (Trần Hưng Đạo)-Nguyễn Đức Cảnh (Quang Trung)-Trần Nguyên Hãn-Nguyễn Văn Linh-Lạch Tray-Bến xe khách Cầu Rào	17	x	x	x	Mở mới (điều chỉnh tuyến vòng tròn nội đô II theo QH2007)
15	Khu công nghiệp Đình Vũ-Khu công nghiệp Đình Vũ	Khu công nghiệp Đình Vũ-Đường tỉnh 356-Trần Hưng Đạo-Lê Thánh Tông-Hoàng Diệu-Nguyễn Tri Phương-Bạch Đằng-Hà Nội-siêu thị Metro-Tôn Đức Thắng-Nguyễn Văn Linh-Nguyễn Bình Khiêm-Đường tỉnh 356-Khu công nghiệp Đình Vũ	21		x	x	Mở mới (Duy trì tuyến vòng tròn nội đô I theo QH2007)
II	Tuyến nội tỉnh						
01	Bến xe khách Cầu Rào-Ga Dụ Nghĩa	Bến xe khách Cầu Rào-Lạch Tray-Tô Hiệu-Tôn Đức Thắng-Quốc lộ 5-Khu công nghiệp Nomura-Ga Dụ Nghĩa	21	x	x	x	Duy trì tuyến hiện tại
02	Bến Bình-Vĩnh Bảo-Tam Cường	Bến Bình-Cù Chính Lan-Nguyễn Tri Phương-Hoàng Văn Thụ (Đình Tiên Hoàng)-Nguyễn Đức Cảnh (Quang Trung)-Trần Nguyên Hãn-Trường Chinh-Trần Nhân Tông-Phan Đăng Lưu-Hoàng Quốc Việt-Quốc lộ 10-thị trấn Vĩnh Bảo-Tam Cường (Bến xe khách Nam An)	49	x	x	x	Điều chỉnh tuyến hiện tại (sau năm 2025 kéo dài tuyến đến Khu công nghiệp VSIP)
03A	Bưu điện thành phố-Bến xe khách Đồ Sơn	Bưu Điện thành phố-Hoàng Văn Thụ (Đình Tiên Hoàng-Nguyễn Tri Phương)-Cầu Đất (Mê Linh-Quang Trung)-Lạch Tray-Phạm Văn Đồng-Bến xe khách Đồ Sơn	24	x	x	x	Điều chỉnh tuyến hiện tại (sau năm 2025 kéo dài tuyến đến Khu công nghiệp VSIP)

Số hiệu tuyến	Tên tuyến	Lộ trình tuyến	Chiều dài (km)	Giai đoạn vận hành			Ghi chú
				2017-2020	2021-2025	2026-2030	
03B	Cao Đẳng Hàng Hải 1-Bến xe khách Đồ Sơn	Cao Đẳng Hàng Hải 1-Đà Nẵng-Lê Hồng Phong-Nguyễn Bình Khiêm-Nguyễn Văn Linh-Cầu Rào 2-Phạm Văn Đồng-Bến xe khách Đồ Sơn	31	x	x	x	Điều chỉnh tuyến hiện tại
04	Bưu điện Thành phố-Phà Rừng	Bưu Điện thành phố-Nguyễn Tri Phương-Bạch Đằng-Cầu Bính-Đường tỉnh 359-xã Tân Dương-xã Thủy Sơn-Núi Đèo-xã Thủy Đường-xã An Lư-xã Trung Hà-xã Thủy Triều-xã Ngũ Lão-xã Tam Hưng-Phà Rừng	20	x	x	x	Duy trì tuyến hiện tại
05	Khu công nghiệp Đình Vũ-Thị trấn Tiên Lãng-cầu phao Hàn	Khu công nghiệp Đình Vũ-Nguyễn Bình Khiêm-Nguyễn Văn Linh-Trường Chinh-Lê Duẩn-Hoàng Thiết Tâm-Trần Thành Ngọ-Trần Tất Văn-Đường tỉnh 354-cầu Khuê-Thị trấn Tiên Lãng-ĐT 354-cầu phao Hàn, xã Nam An	47	x	x	x	Điều chỉnh tuyến hiện tại (sau năm 2025 kéo dài tuyến đến thị trấn Diêm Điền, Thái Bình)
06	Khu công nghiệp Đình Vũ-Ngã 5 Kiến An	Khu công nghiệp Đình Vũ-Trần Hưng Đạo-Lê Thánh Tông-Hoàng Diệu-Nguyễn Tri Phương-Cầu Lạc Long-Bạch Đằng-Ngã 3 Sở Dầu-Quốc lộ 5 cũ-Quán Toan-Ngã 4 Long Thành-Đường tỉnh 351-thị trấn An Dương-Đường tỉnh 351-Cầu Kiến An-Phan Đăng Lưu- Ngã 5 Kiến An	32	x	x	x	Khôi phục tuyến hoạt động trở lại
09	Cao đẳng Hàng Hải 1-xã Đại Hà, Kiến Thụy	Cao đẳng Hàng Hải 1-Đà Nẵng-Lê Thánh Tông-Lê Lai-Lê Hồng Phong-Ngô Gia Tự-Cầu Rào-Phạm Văn Đồng-Đường tỉnh 355-Ngã 3 Đa Phúc-thị trấn Núi Đồi-trung tâm xã Đại Hà	28	x	x	x	Điều chỉnh tuyến hiện tại
10	Sân bay Cát Bi-Bến xe khách Thượng Lý	Sân bay Cát Bi-Lê Hồng Phong-Nguyễn Bình Khiêm-Lê Thánh Tông-Đà Nẵng-Điện Biên Phủ-Bạch Đằng-Hùng Vương-Bến xe khách Thượng Lý.	26	x	x	x	Điều chỉnh tuyến hiện tại
11	Phà Rừng-Thị trấn An Dương	Phà Rừng-Minh Đức-Đường tỉnh 359A-Núi Đèo-Đường tỉnh 351-Ngã 4 Trịnh Xá-Quốc lộ 10-Cầu Kiên-Quốc lộ 5-	34	x	x	x	Khôi phục tuyến hoạt động trở lại

Số hiệu tuyến	Tên tuyến	Lộ trình tuyến	Chiều dài (km)	Giai đoạn vận hành			Ghi chú
				2017-2020	2021-2025	2026-2030	
		Quán Toan-Đường tỉnh 351-thị trấn An Dương					
12	Phà Lại Xuân-Bưu Điện thành phố	Phà Lại Xuân-Đường tỉnh 352-ngã tư Trịnh Xá-Đường tỉnh 351- Bệnh viện Thủy Nguyên-Núi Đèo-Cầu Bình-đường Hà Nội-Ngã 3 Sở Dầu-Tôn Đức Thắng-ngã tư Đài liệt sỹ Hồng Bàng-Bưu Điện Thành phố	30	x	x	x	Duy trì tuyến hiện tại
13	Thị trấn Cát Bà-Phà Gia Luận	Thị trấn Cát Bà-Áng Sỏi-Khe Sâu-Vườn Quốc Gia-xã Gia Luận-Phà Gia Luận	26	x	x	x	Duy trì tuyến hiện tại
14	Thị trấn Cát Bà-Phà Cái Viêng	Thị trấn Cát Bà-Chân Trâu-Xuân Đám-Ngã 3 Hiền Hào-Chợ Phù Long-Phà Cái Viêng	24	x	x	x	Duy trì tuyến hiện tại
16	Đồ Sơn-Bến xe khách phía Bắc	Bến xe Đồ Sơn-Đường tỉnh 353-Cầu Rào 2-Nguyễn Văn Linh-Trần Nguyên Hãn-Hùng Vương-Đường tỉnh 359-đường xã Lâm Động, Hoa Động-Ngã 4 Trịnh Xá-Quốc lộ 10-Bến xe khách phía Bắc	34	x	x	x	Khôi phục tuyến hoạt động trở lại
16B	Sân bay Cát Bi-Phà Rừng	Sân bay Cát Bi-Lê Hồng Phong-Đà Nẵng-Điện Biên Phủ-Bạch Đằng-Cầu Bình-Núi Đèo-Phà Rừng	30	x	x	x	Mở mới (quy hoạch bổ sung)
16C	Bến xe Thượng Lý-Cát Hải	Bến xe Thượng Lý-Hùng Vương-cầu Tam Bạc-Nguyễn Đức Cảnh-Quang Trung-Trần Hưng Đạo-Điện Biên Phủ-Lê Hồng Phong-Nguyễn Bình Khiêm-Đường tỉnh 356-đường(Tân Vũ-Lạch Huyện)-Cát Hải (ga cáp treo Cát Hải)	35	x	x	x	Mở mới (quy hoạch bổ sung)
17	Khu công nghiệp Đình Vũ -thị trấn An Lão	Khu công nghiệp Đình Vũ-Đà Nẵng-Lương Khánh Thiện (Lê Lợi)-Hai Bà Trưng (Tô Hiệu)-Trần Nguyên Hãn-Tôn Đức Thắng-đường 208-Thị trấn An Dương-đường 208-Quốc lộ 10-Bãi đỗ xe An Lão	38		x	x	Mở mới (quy hoạch bổ sung, sau năm 2025 kéo dài tuyến đến đảo Cát Hải)
18	Sân bay Cát Bi-cầu	Sân bay Cát Bi-Ngô Gia Tự-Lạch Tray-Nguyễn Văn Linh-	40	x	x	x	Điều chỉnh tuyến

Số hiệu tuyến	Tên tuyến	Lộ trình tuyến	Chiều dài (km)	Giai đoạn vận hành			Ghi chú
				2017-2020	2021-2025	2026-2030	
	phao sông Hóa	đường vòng cầu Niệm-Trường Chinh-Trần Nhân Tông-Ngã 5 Kiến An-Trần Tất Văn-cầu Khuê-cầu phao Quốc lộ 37-cầu phao sông Hóa					hiện tại
18B	Bến phà Dương Áo-Bến xe khách Thượng Lý	Bến phà Dương Áo-Đường tỉnh363 -Đường tỉnh361-Ngã 3 Đa Phúc-Nguyễn Lương Bằng-Đường tỉnh360-Trường Chinh-Trần Nguyên Hãn-Nguyễn Đức Cảnh-Hùng Vương-Bến xe khách Thượng Lý	28,5		x	x	Mở mới (quy hoạch bổ sung)
19	Thị trấn An Dương-Đồ Sơn	Thị trấn An Dương-Đường tỉnh351-Cầu Kiến An-Trần Thành Ngọ-Ngã 5 Kiến An-Nguyễn Lương Bằng-Đường tỉnh355-Đường tỉnh361-Thị trấn Núi Đồi-Đường tỉnh361-Bến xe khách Đồ Sơn	31	x	x	x	Mở mới (điều chỉnh tuyến 21 theo QH2007, sau năm 2025 kéo dài tuyến đến thị trấn Phú Thái, Hải Dương)
20	Phà Quang Thanh-Siêu thị MeTro	Phà Quang Thanh-Thị trấn An Lão-Đường tỉnh360-Hoàng Quốc Việt-Phan Đăng Lưu-An Kim Hải-Tôn Đức Thắng-Hồng Bàng-Siêu thị MeTro	24		x	x	Mở mới (quy hoạch bổ sung)
21	Thị trấn An Lão-xã Hùng Thắng - Công Rộc)	Bãi đỗ xe An Lão-Quốc lộ 10-đường QH 2-thị trấn Tiên Lãng-Đường tỉnh212-xã Hùng Thắng (bến xe khách Hùng Thắng)-Công Rộc	27	x	x	x	Điều chỉnh tuyến hiện trạng (điều chỉnh 2 tuyến 25, 28 theo QH2007)
22	Cầu phao Đãng-Khu công nghiệp VSIP	Cầu phao Đãng-Bưu điện cầu Đầm-thị trấn Tiên Lãng-cầu Khuê-ngã 5 Kiến An-Trần Thành Ngọ-Hoàng Thiết Tâm-Lê Duẩn-Trường Chinh-cầu Niệm-Trần Nguyên Hãn-Ngã tư đập Tam Kỳ-cầu Tam Bạc-Ngã 3 Xi măng-cầu Bình-	40	x	x	x	Mở mới (quy hoạch bổ sung)

Số hiệu tuyến	Tên tuyến	Lộ trình tuyến	Chiều dài (km)	Giai đoạn vận hành			Ghi chú
				2017-2020	2021-2025	2026-2030	
		khu công nghiệp VSIP					
23	Thị trấn An Lão-đảo Cát Hải	Bến xe khách An Lão-Quốc lộ 10-đường gom (CT1)-đường(Tân Vũ-Lạch Huyện)-đảo Cát Hải	45			x	Mở mới (<i>quy hoạch bổ sung</i>)
24	Bến xe khách phía Tây 2- Bến xe khách phía Bắc	Bến xe khách phía Tây 2-Vành đai 3-Bến xe khách phía Đông-Vành đai 3-Bến xe khách phía Bắc	48			x	Mở mới (<i>điều chỉnh 2 tuyến 29, 30 theo QH2007</i>)
25	Bến xe khách phía Đông-Bến xe khách Minh Đức	Bến xe khách phía Đông-Vành đai 2-Vành đai 3-Đường tỉnh359-Bến xe khách Minh Đức	38			x	Mở mới (<i>điều chỉnh tuyến 27 theo QH2007</i>)
26	Bắc Sơn-Bến xe khách phía Đông	Bắc Sơn-Đường (Bắc Sơn-Nam Hải)-Lê Hồng Phong-sân bay Cát Bi-Bến xe khách phía Đông	22		x	x	Mở mới (<i>quy hoạch bổ sung</i>)
27	Bến xe khách phía Bắc-Bến xe khách phía Đông	Bến xe khách phía Bắc-Vành đai 3-Bắc sông Cẩm-cầu Nguyễn Trãi-Lê Hồng Phong-ngâm qua sân bay Cát Bi-Bến xe khách phía Đông	20			x	Mở mới (<i>quy hoạch bổ sung</i>)
28	Bắc Sơn-Bến xe khách phía Bắc	Bắc Sơn-Đặng Cương-Thượng Lý-Đường tỉnh359-Đường tỉnh359C-Bến xe khách phía Bắc	21			x	Mở mới (<i>quy hoạch bổ sung</i>)
34	Đò Sòi-Bến xe khách Đò Sơn	Đò Sòi-Đường tỉnh362-đường nối (QL5-QL10)-đường QH3-đường bộ ven biển-Đường tỉnh353-Bến xe khách Đò Sơn	30			x	Mở mới (<i>quy hoạch bổ sung</i>)
III	Tuyến nội bộ Khu công nghiệp VSIP						
31	Tuyến phía Đôngkhu	Tuyến phía Đông Khu công nghiệp VSIP (kết nối các khu	10		x	x	Mở mới

Số hiệu tuyến	Tên tuyến	Lộ trình tuyến	Chiều dài (km)	Giai đoạn vận hành			Ghi chú
				2017-2020	2021-2025	2026-2030	
	công nghiệp VSIP	dân cư, khu công nghiệp,...)*					(quy hoạch bổ sung)
32	Tuyến phía Tây khu công nghiệp VSIP	Tuyến phía Tây Khu công nghiệp VSIP (kết nối khu hành chính, khu đại học, khu công nghiệp,...)*	12		x	x	Mở mới (quy hoạch bổ sung)
		<i>Số tuyến</i>		21	28	34	
		<i>Chiều dài</i>		646	801,5	1.003,5	
IV	Tuyến liên kết						
07	Sân bay Cát Bi- Thành phố Uông Bí, Quảng Ninh	Sân bay Cát Bi-Lê Hồng Phong-Ngô Gia Tự-Lạch Tray-Nguyễn Văn Linh-Trần Nguyên Hãn-Tôn Đức Thắng-Siêu thị Metro-Cầu Bình-thị trấn Núi Đèo-Ngã 3 Đông Sơn-Quốc lộ 10 -Thành phố Uông Bí	42	x	x	x	Điều chỉnh tuyến hiện tại
29	Khu công nghiệp VSIP -Thị trấn Phú Thái, Hải Dương	Khu công nghiệp VSIP- Bến xe phía Bắc-Thị trấn Núi Đèo-Đường tỉnh359C-đường(Kinh Môn-Thủy Nguyên)-Thị trấn Kinh Môn-Đường tỉnh388-Thị trấn Phú Thái	30		x	x	Mở mới (quy hoạch bổ sung)
30	Bến xe khách Đồ Sơn-Thị trấn Ninh Giang, Hải Dương	Bến xe khách Đồ Sơn-Đường tỉnh353-Đường tỉnh362-đường QH1-Quốc lộ 37-Thị trấn Vĩnh Bảo-Quốc lộ 37-cầu Chanh-Thị trấn Ninh Giang	55		x	x	Mở mới (điều chỉnh tuyến 32 theo QH2007)
33	Bến xe khách Hùng Thắng, Tiên Lãng- Thành phố Hạ Long	Bến xe khách Hùng Thắng-đường bộ ven biển-thành phố Hạ Long	56			x	Mở mới (quy hoạch bổ sung)
		<i>Số tuyến</i>		1	3	4	
		<i>Chiều dài</i>		42	127	183	
		Tổng số tuyến		22	31	38	
		Tổng chiều dài		688	928,5	1.186,5	

Phụ lục 02: Quy hoạch phát triển mạng lưới tuyến BRT trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Quyết định số 1239/QĐ-UBND ngày 07/6/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Số hiệu tuyến	Tên tuyến	Lộ trình tuyến	Chiều dài (km)	Giai đoạn vận hành			Ghi chú	
				2017-2020	2021-2025	2026-2030		
BRT 1	Bắc Sơn-Bến xe khách phía Đông	Bắc Sơn-Đường (Bắc Sơn-Nam Hải)-Lê Hồng Phong-Vành đai 3-Bến xe khách phía Đông	22		x	x	Chuyển từ tuyến xe buýt số 26	
BRT 2	Bến xe khách phía Bắc-Bến xe khách phía Đông	Bến xe khách phía Bắc-Vành đai 3-Bắc sông Cấm-cầu Nguyễn Trãi-Lê Hồng Phong-Vành đai 3-Bến xe khách phía Đông	20			x	Chuyển từ tuyến xe buýt số 27	
BRT 3	Bắc Sơn- Bến xe khách phía Bắc	Bắc Sơn-Đặng Cương-Thượng Lý-Đường tỉnh 359-Đường tỉnh 359C-Bến xe khách phía Bắc	21			x	Chuyển từ tuyến xe buýt số 28	
BRT 4	Trung tâm thành phố-Bến xe khách Đồ Sơn	Đường (Hồ Sen-Cầu Rào 2)-Phạm Văn Đồng-Bến xe khách Đồ Sơn	22	x	x	x	Chuyển từ tuyến xe buýt số 3B	
Tổng số tuyến					1	2	4	
Tổng km tuyến				85	44		41	

Phụ lục 03:

Quy hoạch phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ VTHKCC bằng xe buýt

(Kèm theo Quyết định số 1239/QĐ-UBND ngày 07/6/2018

của Ủy ban nhân dân thành phố)

TT	Điểm đầu cuối	Diện tích (m ²)	Điểm đầu cuối tuyến	Bãi đỗ xe	Điểm trung chuyển
I	Giai đoạn 2017-2020	34.900			
1	Bến xe khách Cầu Rào	7.400	x	x	x
2	Khu công nghiệp Đình Vũ	5.500	x	x	
3	Dụ Nghĩa	250	x		
4	Bến Bính	250	x		
5	Bến xe khách Vĩnh Bảo	500	x	x	
6	Buru điện thành phố	750	x		
7	Cao Đẳng Hàng Hải 1	500	x		
8	Bến xe khách Đồ Sơn	759,9	x	x	
9	Bến xe khách Thượng Lý	1.000	x	x	
10	Phà Rừng	250	x		
11	Cầu phao Hàn	250	x		
12	Ngã 5 Kiến An	750	x		x
13	Xã Đại Hà	250	x		
14	Thị trấn An Dương	500	x		
15	Phà Lại Xuân	250	x		
16	Thị trấn Cát Bà	500	x	x	
17	Phà Gia Luận	250	x		
18	Phà Cái Viêng	250	x		
19	Bến xe khách phía Bắc	500	x	x	
20	Bãi đỗ xe An Lão	7.000	x	x	x
21	Sân bay Cát Bi	500	x		
22	Bến xe khách Nam An	250	x		
23	Bến xe khách Hùng Thắng	250	x		
24	Khu công nghiệp VSIP	2.000	x		
25	Cầu phao Đặng	250	x		
26	Thị trấn Cát Hải	2.000	x	x	
27	Bến xe khách Tiên Lãng	500			

TT	Điểm đầu cuối	Diện tích (m ²)	Điểm đầu cuối tuyến	Bãi đỗ xe	Điểm trung chuyển
28	Bến xe kháchKiến Thụy	990			
29	Bến xe kháchVĩnh Bảo	500			
II	Bổ sung tại giai đoạn 2021-2025	16.852			
30	Phà Quang Thanh	250	x		
31	Siêu thị Metro	250	x		
32	Phà Dương Áo	250	x		
33	Bến xe kháchNiệm Nghĩa	9.063			
34	Bến xe kháchLạc Long	6.039			
35	Khu công nghiệpTrảng Duệ	1.000			
36	Bến xe kháchphía Đông Nam	1.000			
II	Bổ sung tại giai đoạn 2026-2030	4.000			
37	Bến xe khách phía Tây 2	250	x	x	
38	Đò Sòi	250	x		
39	Bến xe khách phía Bắc	1.000	x	x	
40	Bến xe khách phía Đông	1.000	x	x	
41	Bến xe kháchMinh Đức	500	x	x	
42	Bắc Sơn	1.000	x		
Tổng cộng đến năm 2030		55.752			